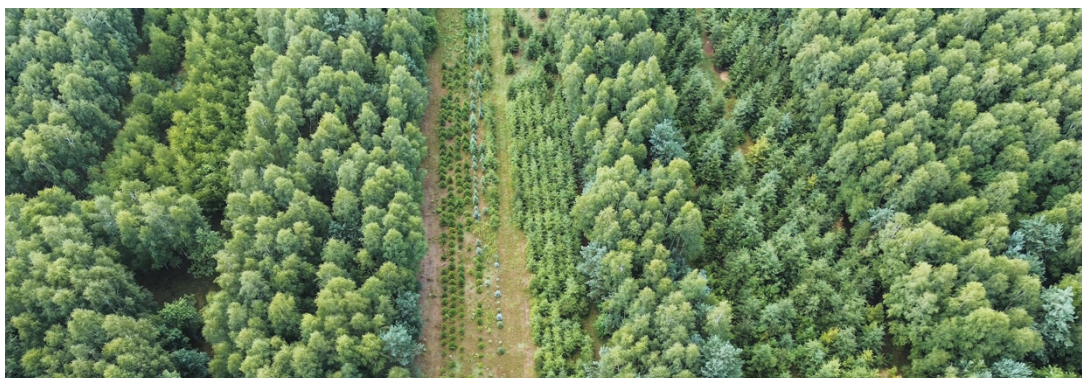


QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP Ở VIỆT NAM Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆC TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH MỚI CỦA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



1. GIỚI THIỆU

Ngành lâm nghiệp Việt Nam nói chung và sử dụng đất lâm nghiệp nói riêng đã và đang có những chuyển đổi mang tính chất căn bản từ giai đoạn lập nước tới nay. Một trong những thay đổi căn bản nhất là việc chuyển đổi hình thức lâm nghiệp quản lý tập trung (hay còn gọi là lâm nghiệp nhà nước) sang lâm nghiệp hộ gia đình. Trọng tâm của quá trình chuyển đổi này là các diện tích đất, rừng trước đây được giao cho các lâm trường quốc doanh (nay là các công ty lâm nghiệp) được giao cho các hộ gia đình. Sự chuyển dịch này đã giúp đạt được mục tiêu kép: nâng cao thu nhập cho các hộ thông qua việc tạo nguồn gỗ rừng trồng phục vụ ngành chế biến gỗ và giúp tăng độ che phủ của rừng.

Tuy nhiên, hình thức quản lý lâm nghiệp nhà nước hiện đang tiềm ẩn một số tồn tại cần giải quyết. Hiện Việt Nam còn 169 công ty lâm nghiệp đang quản lý khoảng trên 1,4 triệu ha đất rừng. Các công ty này thuộc 35 đầu mối quản lý, bao gồm Bộ Quốc phòng, 30 địa phương cấp tỉnh, Tập đoàn Cao su, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam, Tổng công ty cà phê, Tổng công ty giấy (Vũ Mạnh Hùng, 2024).¹ Theo tác giả “việc quản lý, sử dụng đất đai có nguồn gốc từ lâm trường còn bộc lộ nhiều yếu kém”

đại chưa thực sự phát huy hiệu quả, tình trạng sử dụng quỹ đất của Nhà nước để cho thuê, cho mượn, liên doanh liên kết, khoán trắng vẫn tiếp diễn; tình trạng sử dụng đất không đúng đối tượng, không đúng mục đích vẫn còn xảy ra khá phổ biến; tình trạng lợi dụng ranh giới giữa rừng sản xuất là rừng trồng với rừng tự nhiên, rừng đặc dụng và rừng phòng hộ không rõ ràng để khai thác rừng không đúng pháp luật còn thường xuyên xảy ra. Việc lấn chiếm, tranh chấp đất đai; mua bán hợp đồng giao khoán thực tế là chuyển nhượng đất đai... mua đi bán lại nhiều lần... chưa được khắc

“Việc quản lý, sử dụng đất đai có nguồn gốc từ lâm trường còn bộc lộ nhiều yếu kém”

(Vũ Mạnh Hùng, 2024)

¹ Vũ Mạnh Hùng, Thực trạng và giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty lâm nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị. Báo cáo tham luận tại Hội thảo khoa học quốc gia “Giải pháp đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý, sử dụng đất đai trong các công ty lâm nghiệp” ngày 4/10/2024 tại Hà Nội.

phục và vẫn có nguy cơ tiếp diễn và gia tăng.” Báo cáo của Cục Lâm nghiệp năm 2024 cũng nêu rõ: “Các công ty lâm nghiệp quản lý và sử dụng đất với diện tích lớn, có nhiều vị trí thuận lợi nhưng không hiệu quả, trong khi người dân tại chỗ lại thiếu đất sản xuất, phải nhận khoán lại đất của công ty lâm nghiệp (nhiều trường hợp phải nhận thuê, khoán lại chính diện tích thuộc địa bàn cư trú, canh tác trước đây) và nhận khoán lại từ người nhận khoán của công ty lâm nghiệp, trong khi nhiều hộ dân khác lấn, chiếm đất hoặc được nhà nước giao đất không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính gì, điều đó đã gây ra sự so sánh giữa người dân và các công ty lâm nghiệp; cộng thêm tình trạng người dân di cư tự do (chủ yếu đến lấn, chiếm đất đai).” Tình trạng thiếu đất sản xuất, đặc biệt trong nhóm hộ đồng bào dân tộc thiểu số và nhóm di dân tự do, là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc vi phạm các quy định về sử dụng đất.²

Ngành nông - lâm nghiệp của Việt Nam hiện đang hội nhập sâu rộng với thị trường quốc tế. Các yêu cầu về tính hợp pháp và bền vững của sản phẩm nhập khẩu vào các thị trường này ngày càng chặt chẽ. Quy định chống mất rừng của EU (EU Deforestation Regulation) được ban hành năm 2024 và áp dụng năm 2025 là một ví dụ điển hình. Tại Việt Nam, các mặt hàng nông - lâm sản như gỗ, cà phê, cao su được sản xuất trên đất nông - lâm hiện nay chủ yếu phục vụ chế biến và xuất khẩu. Việc đáp ứng các yêu cầu về hợp pháp và bền vững của thị trường xuất khẩu là bắt buộc. Các yêu cầu này bao gồm kiểm soát chặt chẽ chuỗi cung từ khâu sản xuất tới nhập khẩu, tuân thủ các quy định về sử dụng đất của quốc gia sản xuất, sử dụng lao động, các quy định về môi trường,... Sản phẩm được sản xuất trên các diện tích đất có tranh chấp và/ hoặc không rõ ràng về pháp lý không đáp ứng được các yêu cầu của thị trường và không được chấp nhận tại các thị trường này.



Ảnh 1. Cây cà phê tại Việt Nam. Nguồn: Freepik

Bản tin này cung cấp một số thông tin về một số tồn tại trong việc sử dụng đất lâm nghiệp hiện nay và thảo luận về ý nghĩa của các tồn tại này đối với các mặt hàng nông - lâm sản được sản xuất trên các diện tích đất này trong bối cảnh ngành nông - lâm nghiệp của Việt Nam đang hội nhập quốc tế. Một số tồn tại hiện nay là do lịch sử để lại, một số khác là hệ quả của việc sử dụng và quản lý hiện hành. Để giải quyết các tồn tại này đòi hỏi những giải pháp mới, cả ở góc độ xây dựng và thực thi chính sách, bao gồm sự tham gia tích cực của chính quyền địa phương và các công ty trực tiếp tham gia các chuỗi cung ứng các mặt hàng nông - lâm sản này. Trước khi thảo luận về các khía cạnh này, bản tin tóm tắt một số nét chính về quản lý và sử dụng rừng và đất lâm nghiệp của Việt Nam từ những năm 1950 tới nay.

² Cục Lâm nghiệp. Thực trạng về tổ chức sản xuất trong các công ty lâm nghiệp hiện nay. Báo cáo tham luận tại Hội thảo khoa học quốc gia **Giải pháp đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý, sử dụng đất đai trong các công ty lâm nghiệp** tại Hà Nội ngày 4/10/2024. Theo Báo cáo của Cục cũng đưa ra con số năm 2019 cả nước có 24.532 hộ dân tộc thiểu số thiếu đất ở, 210.400 hộ dân tộc thiểu số có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất. Tình trạng thiếu đất sản xuất đối với đồng bào dân tộc thiểu số nghèo còn diễn ra ở nhiều địa phương; việc bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào di cư tự phát chưa được giải quyết tốt, còn kéo dài.

2. SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP CỦA VIỆT NAM

Một trong những đặc điểm quan trọng nhất về sử dụng và quản lý rừng và đất lâm nghiệp của Việt Nam từ những năm 1950 đến nay là việc chuyển đổi từ hình thức quản lý nhà nước đại diện là hệ thống các lâm trường quốc doanh sang hình thức hộ gia đình. Hình thức chuyển đổi này đã giúp nâng cao hiệu quả sử dụng đất, trực tiếp góp phần làm mở rộng các diện tích rừng và nâng cao thu nhập cho các hộ dân, bao gồm các hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Cụ thể:



Giai đoạn 1955-1975: Đất nước trải qua giai đoạn chiến tranh. Quản lý lâm nghiệp không phải là trọng tâm ưu tiên của nhà nước. Hệ thống lâm nghiệp được quản lý theo phương thức nhà nước tập trung với các diện tích rừng được quản lý bởi hệ thống các lâm trường quốc doanh do nhà nước thành lập. Tuy nhiên hệ thống này không thực sự hiệu quả, phần lớn do các nguồn lực được tập trung hoàn toàn cho chiến tranh. Hệ thống thị trường đầu ra sản phẩm chưa phát triển hoặc chưa hình thành ở nhiều nơi. Việc sử dụng đất để tạo sản phẩm hàng hóa, khai thác gỗ vì mục tiêu thương mại còn chưa phổ biến. Trình độ canh tác của người dân rất hạn chế. Các hoạt động sử dụng đất, khai thác rừng của hộ dân miền núi chủ yếu mang đậm nét tự cấp, tự túc.



1975 – cuối thập kỷ 1990: Chiến tranh kết thúc, đất nước trải qua giai đoạn phục hồi và phát triển. Nhà nước ưu tiên sử dụng đất và khai thác tài nguyên nhằm phục vụ mục tiêu này. Nhà nước thành lập và vận hành hệ thống nông - lâm trường. Thông qua hệ thống nông trường, nhiều diện tích đất rừng được chuyển đổi sang đất trồng cây nông nghiệp như cà phê, chè, mía. Việc khai thác gỗ thương mại ở quy mô lớn được đảm nhận bởi hệ thống lâm trường. Nhà nước huy động lực lượng lao động để vận hành hệ thống nông - lâm trường từ các khu vực đồng bằng. Nhiều hộ gia đình ở các tỉnh đồng bằng nơi có mật độ dân số cao được di chuyển tới vùng núi, đặc biệt là vùng Tây Nguyên và Tây Bắc nơi dân cư thưa thớt, nhằm tạo nguồn lao động cho sản xuất. Chính sách giao đất, giao rừng cho các hộ bắt đầu được triển khai, tuy nhiên các hoạt động này được thực hiện trong điều kiện thiếu nguồn lực. Nhiều diện tích được giao trên sổ sách, không khớp với thực tế.



Cuối những năm 1990 tới những năm 2000: Giai đoạn mở cửa nền kinh tế và hội nhập quốc tế. Chính phủ ưu tiên các hoạt động bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Việc khai thác gỗ bị hạn chế. Nhà nước cũng kiểm soát chặt việc chuyển đổi các diện tích rừng sang trồng cây công nghiệp. Chính sách giao đất giao rừng cơ bản được hoàn thành. Các diện tích đất sản xuất và đất rừng nghèo kiệt được giao cho các hộ để sử dụng lâu dài. Việc hội nhập thị trường quốc tế giúp mở rộng xuất khẩu, bao gồm các hàng hóa nông - lâm sản. Diện tích rừng, đặc biệt ở khu vực Tây Nguyên, bị thu hẹp do mở rộng các diện tích cà phê, cao su và một số cây trồng khác. Sự liên kết giữa công ty và hộ nhằm tạo nguồn nông - lâm sản đầu vào cho xuất khẩu được hình thành.



Cuối thập kỷ những năm 2000 tới nay: Các quy định về tính hợp pháp, tính bền vững, sự kiểm soát chuỗi cung hàng hóa nông - lâm sản, chống mất rừng và suy thoái rừng ngày càng chặt chẽ, đặc biệt tại các thị trường lớn như EU và Mỹ. Chính phủ Việt Nam cam kết giảm phát thải khí nhà kính, ưu tiên mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng. Liên kết giữa công ty và hộ nhằm tạo vùng nguyên liệu hàng hóa nông - lâm sản phục vụ xuất khẩu được đẩy mạnh. Một số tồn tại về sử dụng đất lâm nghiệp như sai khác về kết quả giao đất giao rừng giữa thực tế và sổ sách, tranh chấp đất đai lâm nghiệp trở thành vấn đề nóng trong bối cảnh các thị trường lớn đang thực thi các quy định về chống mất rừng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Bảng 1. Một số nét chính về quản lý và sử dụng rừng và đất lâm nghiệp từ những năm 1950 đến nay

Giai đoạn	Đặc điểm chính	Một số tồn tại
1955 – 1975	<ul style="list-style-type: none"> • Đất nước trải qua giai đoạn chiến tranh. Chia cắt 2 miền Nam - Bắc. • Các hoạt động lâm nghiệp nhà nước chủ yếu là khai hoang, mở rộng diện tích trồng rừng, bảo vệ rừng. Diện tích rừng được giao cho các lâm trường quốc doanh quản lý. Lâm nghiệp được quản lý theo phương thức kế hoạch hoá tập trung, chủ yếu quản lý qua bản đồ, sổ sách bởi các cơ quan lâm nghiệp nhà nước. Hoạt động quản lý tại thực địa hạn chế do chiến tranh chia cắt và thiếu nguồn lực. • Các hộ dân miền núi canh tác nương rẫy, khai thác gỗ và củi phục vụ sinh hoạt gia đình. Các hoạt động thương mại hạn chế. Sản xuất nông - lâm sản hàng hóa chưa phát triển. 	<p>Quản lý đất đai và lâm nghiệp không được trú trọng.</p>
1975 – cuối thập kỷ 1990	<ul style="list-style-type: none"> • Đất nước phục hồi sau chiến tranh, nhà nước thành lập mới nhiều nông, lâm trường quốc doanh làm nhiệm vụ khai hoang, mở rộng diện tích đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp. • Quản lý nhà nước về tài nguyên: Đất đai và tài nguyên rừng được quản lý bởi các cơ quan đất đai và lâm nghiệp. Ưu tiên của chính sách là khai thác đất đai, tài nguyên rừng phục vụ khôi phục và phát triển đất nước. • Nhiều diện tích đất rừng đặc biệt vùng Tây Nguyên và Tây Bắc được chuyển đổi sang đất nông nghiệp. Hệ thống nông trường quốc doanh được thành lập, tập trung vào phát triển cây công nghiệp phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Chính phủ thực hiện chính sách xây dựng vùng kinh tế mới: Người dân ở các vùng đồng bằng đông dân cư được di chuyển tới các vùng này phục vụ công tác khai hoang, phát triển kinh tế (đi xây dựng vùng kinh tế mới). • Chính phủ thực hiện chính sách giao đất giao rừng, khoán đất lâm nghiệp cho các hộ dân, đánh dấu sự dịch chuyển từ lâm nghiệp nhà nước sang lâm nghiệp hộ gia đình. 	<p>Chính sách tập trung vào khai thác. Tài nguyên rừng bị khai thác ở quy mô lớn, bao gồm cả việc chuyển đổi đất rừng. Việc giao đất giao rừng chủ yếu thực hiện trên sổ sách.</p>

<p>Cuối thập kỷ 1990 – thập kỷ 2000</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Việt Nam mở cửa và hội nhập quốc tế. Thị trường xuất khẩu, bao gồm xuất khẩu hàng hóa nông - lâm sản, mở rộng. • Chính phủ đẩy mạnh công tác giao đất giao rừng, khoán đất rừng cho hộ. Chuyển đổi các diện tích đất do nông - lâm trường quản lý sang hộ gia đình sử dụng và quản lý. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) được cấp cho hộ. • Chính phủ chuyển đổi từ mục tiêu khai thác sang bảo vệ rừng, phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học. Bắt đầu đóng cửa rừng tự nhiên (một phần), thúc đẩy việc thành lập các khu bảo tồn. • Diện tích cây công nghiệp mở rộng trên nền đất rừng, chủ yếu là bởi các hộ (bao gồm lao động di dân tự do). Sản phẩm đầu ra phục vụ xuất khẩu. Một số diện tích rừng bị chuyển đổi sang trồng cây công nghiệp. • Công tác bảo vệ rừng tiếp tục được đẩy mạnh. Chính phủ duy trì và tăng cường việc đóng cửa rừng tự nhiên. Diện tích rừng trồng của hộ và lâm trường mở rộng. • Việc xuất khẩu gỗ, cà phê, cao su và một số cây hàng hóa dần ổn định. Bắt đầu hình thành xu hướng liên kết công ty và hộ nhằm tạo ra nguồn nguyên liệu nông - lâm sản hàng hóa ổn định phục vụ xuất khẩu. 	<p>Một số diện tích rừng bị chuyển đổi để trồng cây công nghiệp.</p> <p>Sự sai khác kết quả giao đất giao rừng giữa sổ sách và thực tế chưa được giải quyết.</p> <p>Một số diện tích đất cấp cho hộ chưa có sổ đỏ.</p>
<p>Cuối thập kỷ 2000 tới nay.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các quy định về tính hợp pháp và bền vững, không gây mất rừng, về các mặt hàng nông - lâm sản ngày càng chặt chẽ, đặc biệt tại các thị trường lớn. • Chính phủ Việt Nam cam kết thực hiện các quy định quốc tế về kiểm soát chuỗi cung, chống mất rừng, giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. • Việc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả các công ty lâm nghiệp được đẩy mạnh, trọng tâm là nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên rừng. • Ngành hàng nông - lâm sản của Việt Nam nỗ lực đáp ứng các yêu cầu quốc tế về kiểm soát chuỗi cung. • Việc liên kết công ty và hộ tạo vùng nguyên liệu ổn định và bền vững được đẩy mạnh. 	<p>Một số tồn tại (sai khác số liệu giữa sổ sách và thực tế, thiếu sổ đỏ, cây công nghiệp trồng trên đất lâm nghiệp...) trở thành vấn đề nóng bởi hàng hóa sản xuất trên đất không đáp ứng tiêu chí xuất khẩu.</p>

3. SỬ DỤNG ĐẤT VÀ RỪNG: Ý NGHĨA ĐỐI VỚI CÁC MẶT HÀNG NÔNG - LÂM SẢN XUẤT KHẨU

Một số tồn tại về sử dụng đất lâm nghiệp

Ngành lâm nghiệp đã có sự thay đổi đột phá khi chuyển đổi từ hình thức lâm nghiệp nhà nước sang lâm nghiệp hộ gia đình. Sự chuyển đổi này đã giúp hộ tiếp cận với nguồn đất sản xuất để tạo ra các mặt hàng nông - lâm sản phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Bên cạnh việc cải thiện sinh kế cho hộ thông qua hoạt động sử dụng đất, việc chuyển đổi góp phần mở rộng diện tích rừng trồng, tăng độ che phủ rừng.

Quá trình chuyển đổi không làm mất hoàn toàn hình thức quản lý lâm nghiệp nhà nước. Hệ thống lâm trường hiện nay vẫn tồn tại, với nhiệm vụ chính là quản lý các diện tích rừng tự nhiên. Chính phủ hiện đang thực hiện lệnh đóng cửa rừng tự nhiên. Các hoạt động khai thác gỗ và chuyển đổi đất rừng bị nghiêm cấm. Một số lâm trường đang quản lý và sử dụng diện tích đất rừng sản xuất. Các diện tích này hiện được sử dụng để trồng rừng. Các diện tích rừng trồng mà lâm trường đang quản lý hiện nay được hình thành thông qua việc tự tổ chức sản xuất, quản lý và/ hoặc thông qua việc khoán cho các hộ gia đình.

Tuy nhiên, việc sử dụng đất tại các lâm trường hiện còn một số hạn chế. Kết luận số 103-KL/TW của Ban chấp hành Trung ương ngày 2/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp nêu rõ³: “Việc quản lý, sử dụng đất... còn yếu kém, lỏng lẻo, tùy tiện..., số liệu thống kê không thực chất và không phản ánh được thực tế.



Ảnh 2. Nông dân trồng cà phê tại Việt Nam. Nguồn: Freepik

³ Nguồn: Kết luận số 103-KL/TW ngày 02/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp | Hệ thống văn bản.

Nhiều địa phương chưa hoàn thành việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận sử dụng đất... Tình trạng sử dụng quỹ đất được Nhà nước giao để cho thuê, cho mượn, khoán trắng, liên doanh, liên kết không đúng quy định vẫn diễn ra phổ biến. Việc lấn chiếm, tranh chấp đất đai, mua bán hợp đồng giao khoán... mua đi bán lại nhiều lần... chưa được khắc phục và có phần gia tăng ở nhiều nơi. Vẫn còn tình trạng lợi dụng ranh giới không rõ ràng giữa các loại rừng để khai thác trái pháp luật.” Kết luận 103 đã phân ánh toàn bộ các khía cạnh tồn tại cơ bản liên quan tới các hoạt động sử dụng và quản lý đất lâm nghiệp hiện nay trong hệ thống các lâm trường.

Kết luận 103-KL-TW nhận diện được các tồn tại về quản lý và sử dụng đất tại các lâm trường. Việc xác định nguyên nhân hình thành các tồn tại này có vai trò quan trọng để xây dựng các giải pháp nhằm giải quyết các tồn tại này trong thời gian tới. Một số tồn tại hiện nay như tranh chấp đất đai giữa lâm trường và các hộ dân có liên quan tới các hoạt động khoán là do lịch sử để lại, với chính sách khoán đất có thời gian lâu dài (50 năm) áp dụng cho các hộ gia đình nhận khoán. Khung thời gian 50 năm này tương đương với khung thời gian dành cho các hộ trong cơ chế giao đất. Điều này làm các hộ nhận khoán hình thành niềm tin rằng hộ có các quyền sử dụng đất tương đương với đất được giao. Trong bối cảnh chính sách giao đất cho hộ thực hiện trong điều kiện thiếu nguồn lực, “Số liệu thống kê không thực chất và không phản ánh được thực tế” cũng là các tồn tại liên quan tới một số diện tích đất lâm nghiệp được giao cho hộ. Việc hộ mở rộng các diện tích canh tác bằng cách lấn chiếm vào các diện tích rừng là các tồn tại của quá khứ. Tình trạng này hiện vẫn đang diễn ra ở một số địa phương.

Tồn tại của về sử dụng đất lâm nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Việt Nam đang hội nhập sâu rộng với thị trường quốc tế. Các sản phẩm nông - lâm sản như gỗ, cà phê, cao su, điều, sắn được sản xuất chủ yếu để phục vụ mục tiêu xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các thị trường lớn như Mỹ, EU ngày càng đưa ra các quy định chặt chẽ hơn về tính hợp pháp và bền vững đối các mặt hàng nhập khẩu vào thị trường này. Gần đây nhất là Quy định chống mất rừng của EU (EUDR). Quy định này yêu cầu 7 mặt hàng bao gồm gỗ, cà phê và cao su, chỉ được phép nhập khẩu vào thị trường này nếu (1) các hoạt động của chuỗi cung tuân thủ đầy đủ với các quy định pháp luật của quốc gia sản xuất và (2) quá trình sản xuất các mặt hàng này không làm tổn hại đến nguồn tài nguyên rừng. Đáp ứng yêu cầu (1) đòi hỏi nguồn đất sản xuất phải có tính pháp lý rõ ràng, với các hoạt động sản xuất tuân thủ chặt chẽ với quy định về sử dụng đất. Để đáp ứng yêu cầu (2), người sản xuất cần đưa ra các bằng chứng rõ ràng rằng đất



Ảnh 3. Container gỗ tại cảng Quy Nhơn, Việt Nam. Nguồn: Forest Trends

sản xuất không phải là các khu rừng đã chuyển đổi sau mốc thời gian EUDR quy định (31/12/2020). Theo Quy định này, toàn bộ các hoạt động trong chuỗi cung cần đáp ứng được yêu cầu về truy xuất nguồn gốc. Các mặt hàng xuất khẩu vào EU cần đảm bảo truy xuất tới tận thửa đất nơi các mặt hàng này được sản xuất. Việc đáp ứng các yêu cầu của thị trường xuất khẩu có vai trò sống còn đối với các ngành hàng nông - lâm sản của Việt Nam.



Ảnh 4. Nông dân lấy mủ cao su ở Dầu Giây, Đồng Nai, Việt Nam. Nguồn: Le Trung/Unsplash

Giải pháp đối với các tồn tại trong sử dụng đất lâm nghiệp

Để làm được việc này, các tồn tại có liên quan tới sử dụng và quản lý đất lâm nghiệp được đề cập ở trên cần được giải quyết triệt để. Kết luận 103-KL/TW đã nêu định hướng “*Trong năm 2025, tiến hành rà soát hiện trạng đất của các công ty nông, lâm nghiệp đang quản lý, sử dụng... xác định rõ diện tích đất sử dụng không đúng mục đích... diện tích đất đang giao, giao khoán, khoán trắng, cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư, bị lấn, bị chiếm, đang có tranh chấp.*” Kết luận nêu rõ “*Xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ từ ngân sách trung ương đối với các địa phương thực sự khó khăn cho công tác đo đạc, cắm mốc ranh giới, lập phương án sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận sử dụng đất.*” Theo Kết luận, đối với đất lấn, chiếm có nguồn gốc nông, lâm trường đã được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất cho các đối tượng qua các thời kỳ sẽ được: “*Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với người sử dụng đất lấn, chiếm và nay đang sử dụng mà không thuộc quy hoạch lâm nghiệp đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ...*” Kết luận 103-KL/TW nếu được thực hiện một cách quyết liệt sẽ giúp giải quyết căn bản các tồn tại trong các hoạt động sử dụng và quản lý đất lâm nghiệp hiện nay. Điều này cũng trực tiếp góp phần vào việc đáp ứng các yêu cầu về tính hợp pháp, bền vững và truy xuất nguồn gốc hàng hóa nông - lâm sản của các thị trường quốc tế.

4. KẾT LUẬN

Ngành lâm nghiệp Việt Nam đã và đang có những giải pháp căn bản nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng trong những thập kỷ gần đây. Hiệu quả này sẽ được tăng cường nếu các tồn tại trong các hoạt động sử dụng đất và quản lý rừng, bao gồm cả các diện tích đang thuộc quản lý của các lâm trường, được giải quyết một cách triệt để. Việc giải quyết các tồn tại này trực tiếp góp phần vào việc đáp ứng các yêu cầu ngày càng chặt chẽ hơn về các mặt hàng nhập khẩu, bao gồm cả các sản phẩm nông - lâm sản được sản xuất từ các diện tích đất lâm nghiệp của nước ta, của các thị trường quốc tế. Các cơ chế chính sách hiện nay của Việt Nam, bao gồm Kết luận 103-KL/TW của Bộ Chính trị đã đưa ra các hướng dẫn cụ thể để giải quyết các tồn tại này. Việc thực hiện hiệu quả Kết luận này đòi hỏi phải có sự vào cuộc mạnh mẽ của các cơ quan quản lý, từ trung ương đến địa phương, của khối tư nhân, đặc biệt các công ty hiện đang trực tiếp tham gia chuỗi cung của các ngành hàng này. Quá trình thực hiện cần có sự tham gia tích cực và tự nguyện của các nông hộ sản xuất. Nhà nước cần có những hỗ trợ cần thiết về kỹ thuật và tài chính để tạo động lực cho các hộ tham gia vào quá trình này.



Ảnh 5. Rừng trồng tại Việt Nam (hình ảnh được tạo ra bởi AI). Nguồn: Freepik

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM: Các quan điểm đưa ra trong bản tin này là của tác giả và không đại diện cho quan điểm của Forest Trends và các đơn vị tài trợ. Mọi câu hỏi xin vui lòng liên hệ tác giả qua email pto@forest-trends.org để được giải đáp. Xin trân trọng cảm ơn.

With support from



Norway's International Climate and Forest Initiative

